

Tên:

Từ vựng & Ngữ pháp HW:

Lớp: S3...

Nghe HW:

Ngày giao bài: Thứ ..., ngày .../....

Ngày nộp bài: Thứ ..., ngày .../....



GE3 - Unit 5 & 6 - Vocabulary Revision

A. THEORY: VOCABULARY REVISION

❖ Dinosaur Fossils

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	dinosaur (n)	khủng long	5	footprints (n)	những dấu chân (dấu bàn chân rõ)
2	fossil (n)	hóa thạch	6	tracks (n)	những dấu vết, đường đi để lại
3	mud (n)	bùn	7	nest (n)	tổ, ổ (chim, chuột...)
4	bones (n)	những cái xương			

❖ Dinosaurs and their actions

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	meat-eating (adj)	ăn thịt	6	swing (v)	vung, quật
2	plant-eating (adj)	ăn thực vật	7	hiss (v)	rít
3	grab (v)	chộp, vồ, tóm lấy	8	roar (v)	gầm rú
4	balance (v)	giữ thăng bằng	9	honk (v)	kêu (âm thanh lớn)
5	weapon (n)	vũ khí			

❖ Word families

No.	Words	Meanings	No.	Words	Meanings
1	direct (v)	chỉ đạo, hướng dẫn	7	create (v)	tạo ra
2	direction (n)	sự chỉ dẫn	8	creation (n)	sự tạo thành
3	director (n)	giám đốc, đạo diễn, quản lý	9	creator (n)	người sáng tạo
4	collect (v)	sưu tầm, thu thập	10	invent (v)	phát minh, sáng chế
5	collection (n)	bộ sưu tập	11	invention (n)	sự phát minh, vật được phát minh
6	collector (n)	người sưu tầm	12	inventor (n)	nhà phát minh

❖ HOMEWORK: Extra vocabulary

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	mark (v)	đánh dấu	4	suitcase (n)	va-li
2	horn (n)	sừng	5	basement (n)	tầng hầm
3	hunt (v)	săn bắt	6	cave (n)	hang động

*Note: n = noun: danh từ; v = verb: động từ; adj = adjective: tính từ.

*Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 ĐỒNG vào vở ghi (áp dụng cho phần Extra vocabulary).

B. HOMEWORK (18 questions)

I. Read and circle the correct words. (Đọc và khoanh tròn đáp án đúng.)

0. Thomas Edison was a famous **invent** / **invention** / **inventor**

- I hope to become a **direct** / **direction** / **director** of a popular movie one day.
- He plans to sell part of his **collect** / **collection** / **collector** of coins for charity.
- I hope to become a **create** / **creation** / **creator** of video games in the future.

II. Unscramble the letters. (Sắp xếp lại các chữ cái.)

0. A(n) dinosaur is a very big animal that lived a long time ago.

o	s	u	a	i	r	a	d
---	---	---	---	---	---	---	---



1. is soft, wet earth that you often find after it rains.

d	m	d
---	---	---



2. are the hard parts inside your body that support it.

n	s	o	b	e
---	---	---	---	---



3. A(n) is a place where birds or other animals lay their eggs.

e	t	n	s
---	---	---	---



4. are marks that animals leave behind when they walk.

a	s	c	t	r	k
---	---	---	---	---	---



5. are marks left by feet on the ground.

o	i	o	f	t	p	r	t	s	n
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---



III. Read the text and choose the correct answers. (Đọc đoạn và chọn đáp án đúng.)

"Triceratops" means "three horned face" and you can see why! They have long horns on their head to try to stop dangerous dinosaurs like T-rex. The two horns are on its brow and the smaller horn is above its mouth. They lived at the same time as T-rex about 65 million years ago. They could be 8 meters long and weigh as much as two elephants. They ate plants and leaves. They had over 400 teeth.



0. What does the word "triceratops" mean?

☒ A. Three horned face

B. Two horned dinosaur

C. Three horned body

1. When did they live?

A. 70 million years ago

B. 65 million years ago

C. 85 million years ago

2. What did Triceratops eat?

A. meat

B. plants and meat

C. plants and leaves

Velociraptors lived in what's now called the Gobi Desert in Mongolia. Velociraptors were small meat-eating dinosaurs. They lived about 75 million years ago. They had big brains. They had very big claws on their feet to catch their food. They lived and hunted together. They could run very fast. People think that this dinosaur had feathers like birds.

3. What is the text about?

A. Velociraptor

B. Allosaurus

C. Maiasaurus

4. What body parts did they have?

A. big brains

B. big claws

C. both A and B

5. What do people think that Velociraptor had?

A. fur

B. feathers

C. scales

IV. Read the statements and circle the correct answers.

(Đọc các mệnh đề và khoanh tròn đáp án đúng.)

0. There are 15 apples on the table. 12 apples are red.

→ **All** / ~~Some~~ apples are red.

1. There are 10 chairs in the room. 9 chairs are wooden.

→ **Most** / **Both** chairs are wooden.

2. There are 5 students in the class. 3 students like playing soccer.

→ **Many** / **All** students like playing soccer.

3. There are 6 cups in the kitchen. 4 cups are blue.

→ **All** / **A lot of** cups are blue.

4. There are 20 people in the park. 3 people are walking their dogs.

→ **Both** / **Some** people are walking their dogs.

5. There are 12 pens in the pencil case. 3 pens are broken.

→ **All** / **Some** pens are broken.

V. CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE

Các con nghe bài ở link hoặc code sau:

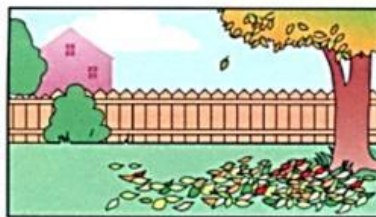
https://soundcloud.com/ms-chi-english/s3_w22_homework_flyers-part-3

FLYERS PART 3 - 5 questions

Listen and write a letter in each box.



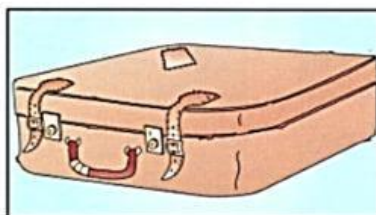
Mr West works in a museum. Sometimes people give interesting things to the museum. Where did the people find these things?



A



B



C



D



E



F

butterflies	<u>E</u>
drum	...
diary	...
rock	...
plate	...
box	...